

# Xylanh dẫn hướng DFM-40- -B

Số bộ phận: 532319



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                            | 25 mm...400 mm                                                                                                          |
| Ø pít tông                                            | 40 mm                                                                                                                   |
| Chế độ hoạt động của bộ truyền động                   | Ách                                                                                                                     |
| Đệm                                                   | Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu<br>Đệm khí nén ở cả hai bên điều chỉnh được<br>Bộ giảm chấn, đường đặc tính mềm |
| Vị trí lắp đặt                                        | bất kì                                                                                                                  |
| Dẫn hướng                                             | Thanh dẫn hướng trượt<br>Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn                                                                  |
| Cấu trúc xây dựng                                     | Dẫn hướng                                                                                                               |
| Phát hiện vị trí                                      | cho các công tắc gần                                                                                                    |
| Các biến thể                                          | Vòng bít chịu nhiệt tối đa 120 °C                                                                                       |
| Áp suất vận hành                                      | 0.15 MPA...1 MPA<br>1.5 bar...10 bar                                                                                    |
| Nguyên tắc vận hành                                   | tác động kép                                                                                                            |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                   | theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)                                                                                |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                 | theo quy định UK EX                                                                                                     |
| Chống cháy nổ                                         | Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 2 (ATEX)                                                                                          |
| Danh mục ATEX Khí                                     | II 2G                                                                                                                   |
| Loại chống cháy nổ Khí                                | Ex h IIC T4 Gb                                                                                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài                  | -20°C <= Ta <= +70°C                                                                                                    |
| Môi chất vận hành                                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                                    |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                 | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                                           |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                  | 0 - không ứng suất ăn mòn<br>2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                     |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B1/B2-L                                                                                                       |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | -20 °C...120 °C                                                                                                         |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                  | 0.35 J...0.7 J                                                                                                          |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 686 N                                                                                                                   |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống | 754 N                                                                                                                   |
| kết nối thay thế                                      | xem bản vẽ sản phẩm                                                                                                     |
| Cổng nối khí nén                                      | G1/8                                                                                                                    |

| Đặc tính              | Giá trị                   |
|-----------------------|---------------------------|
| Ghi chú vật liệu      | Tuân thủ RoHS             |
| Vật liệu phủ          | Hợp kim nhôm rèn          |
| Vật liệu của phốt     | NBR                       |
| Vật liệu vỏ           | Hợp kim nhôm rèn          |
| Vật liệu thanh piston | thép không gỉ hợp kim cao |